

QUYỀN IM LẶNG TRONG VIỆC CHỐNG TRA TẤN, BỨC CUNG, DÙNG NHỤC HÌNH TẠI TRUNG QUỐC - KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

VÕ MINH KỲ*

Tóm tắt: Việt Nam và Trung Quốc là hai quốc gia có nhiều điểm tương đồng trong hệ thống pháp luật. Trong lĩnh vực tư pháp hình sự, cả hai quốc gia đều đối mặt với vấn đề tra tấn, bức cung, dùng nhục hình trong quá trình hỏi cung, lấy lời khai người bị buộc tội, từ đó dẫn đến các vụ án oan sai. Để giải quyết vấn đề này, cả Việt Nam và Trung Quốc đều cùng giới thiệu quyền im lặng theo nghĩa hẹp, tức quyền không tự buộc tội của người bị buộc tội vào tư pháp hình sự như là một trong các giải pháp hữu hiệu. Do đó, nghiên cứu quy định về vấn đề này tại Trung Quốc là cần thiết để rút ra các kinh nghiệm hoàn thiện chế định này tại Việt Nam.

Từ khóa: Quyền im lặng; tra tấn, bức cung, nhục hình; lời nhận tội; Trung Quốc

Ngày nhận bài: 08/9/2023; Biên tập xong: 05/3/2024; Duyệt đăng: 15/3/2024

THE RIGHT TO SILENCE IN THE PREVENTION OF TORTURE, OBTAINING TESTIMONY BY DURESS, CORPORAL PUNISHMENT IN CHINA - EXPERIENCE FOR VIETNAM

Abstract: Vietnam and China have many similarities in their legal system. In criminal justice, both countries have faced torture, obtaining testimony by duress, and corporal punishment during interrogation, thereby leading to wrongful convictions. To solve this problem, both Vietnam and China introduced the right to silence in the narrow sense - the right against self-incrimination - into the criminal justice system as one of the effective solutions. Therefore, it is necessary to study regulations on this issue in China to draw experiences to improve this regulation in Vietnam.

Keywords: Right to silence; torture, obtaining testimony by duress, corporal punishment; confession; China

Received: Sep 08th, 2023; Editing completed: Mar 5th, 2024; Accepted for publication: Mar 15th, 2024

1. Quyền im lặng trong việc chống tra tấn, bức cung, nhục hình theo pháp luật tố tụng hình sự Trung Quốc

1.1. Quyền im lặng trong pháp luật tố tụng hình sự Trung Quốc: Phương tiện chống bức cung, tra tấn, nhục hình

Tại Trung Quốc, giống như các nền tư pháp hình sự khác, lời nhận tội được xem là “vua của các loại chứng cứ” (king of evidence)¹. Lý do là bởi lời nhận tội là loại chứng cứ có giá trị bảo đảm sự buộc tội rất cao, đồng thời cũng được thu thập với quy trình đơn giản hơn so với các loại chứng cứ khác, giúp cơ quan tố tụng tiết kiệm được nhiều thời gian và công sức². Chính vì vậy, Cơ quan điều tra của Trung Quốc thường sử dụng nhiều cách để thu thập lời nhận tội, đôi khi bằng những phương pháp trái luật như tra tấn, bức cung, dùng nhục hình. Các phương pháp thăm vắn trái luật có thể dẫn đến lời nhận tội đúng sự thật hoặc sai sự thật; nhưng tất cả các lời nhận tội sai đều bắt nguồn từ

việc người bị buộc tội bị buộc phải nhận tội do bị tra tấn, bức cung, dùng nhục hình³. Nhiều nghiên cứu cũng đã chỉ ra rằng, nguyên nhân chính của các vụ kết án oan tại Trung Quốc đều có nguồn gốc từ những lời nhận tội sai sự thật do bị tra tấn, bức cung, dùng nhục hình⁴.

Sau một số vụ án oan sai bị phát hiện do lời khai bị cưỡng ép, tại Điều 50 Luật Tố tụng hình sự (TTHS) năm 2012 của Trung Quốc đã quy định một nguyên tắc mới là “không ai có thể bị buộc phải chứng minh tội phạm của chính mình”⁵. Quy định này được duy trì và giữ nguyên tại Điều 52 Luật TTHS năm 2018⁶. Việc điều khoản này thiết lập quyền im lặng vẫn còn tranh cãi trong nhiều diễn đàn khoa học pháp lý tại Trung Quốc.

* Email: Vmky1991@gmail.com

Kiểm sát viên VKSND quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ; Thạc sĩ, Nghiên cứu sinh Khoa luật sau đại học, Đại học Nagoya, Nhật Bản

³ Wei Wu and Tom Vander Beken, tldd, tr. 563.

⁴ Na Jiang, “The Potential to Secure a Fair Trial Through Evidence Exclusion: A Chinese Perspective,” *Do Exclusionary Rules Ensure a Fair Trial? A Comparative Perspective on Evidentiary Rules*, ed. Sabine Gless and Thomas Richter, Ius Gentium: Comparative Perspectives on Law and Justice (Cham: Springer International Publishing, 2019), tr. 163-64, https://doi.org/10.1007/978-3-030-12520-2_6.

⁵ Luật TTHS Trung Quốc năm 2012.

⁶ Luật TTHS Trung Quốc năm 2018.

¹ Zhiyuan Guo, “Exclusion of Illegally Obtained Confessions in China: An Empirical Perspective,” *The International Journal of Evidence & Proof*, 21, no. 1-2 (2017), tr. 39, <https://doi.org/10.1177/1365712716674799>.

² Wei Wu and Tom Vander Beken, “Police Torture in China and Its Causes: A Review of Literature,” *Australian and New Zealand Journal of Criminology*, 43, no. 3 (2010), tr. 562, <https://heinonline.org/HOL/P?h=hein.journals/anzjc43&i=557>.

Một số học giả cho rằng, pháp luật Trung Quốc chỉ chấp nhận quyền không tự buộc tội và từ chối quyền im lặng vì không có quy định rõ ràng về sự im lặng của nghi can. Các học giả này lập luận, Điều 118 Luật TTHS năm 2012 và Điều 120 Luật TTHS năm 2018 vẫn duy trì nghĩa vụ của nghi can phải trả lời một cách trung thực trong quá trình thẩm vấn với tất cả các câu hỏi được đặt ra. Do đó, quyền im lặng không tồn tại ở Trung Quốc⁷. Một số ý kiến khác phản đối và khẳng định Trung Quốc đã quy định quyền không tự buộc tội, quyền này đã hàm ý quyền im lặng bên trong, nhưng chỉ là một quyền im lặng hạn chế⁸. Nếu nghi can được trao quyền không tự buộc tội, họ có thể từ chối trả lời câu hỏi yêu cầu thông tin tự buộc tội trong quá trình thẩm vấn. Nói cách khác, họ không thể luôn luôn giữ im lặng suốt quá trình thẩm vấn, nhưng có thể im lặng khi đối mặt với những câu hỏi cụ thể có thể dẫn đến câu trả lời mang tính tự buộc tội. Về nghĩa vụ của nghi phạm phải trả lời một cách trung thực trong quá trình thẩm vấn, có giải thích cho rằng quy định này nên được hiểu theo hướng luật cho phép nghi phạm im lặng khi đối mặt với những câu hỏi có thể dẫn đến câu trả lời mang thông tin tự buộc tội nhưng nếu họ lựa chọn trả lời thì họ phải trả lời đúng sự thật⁹.

Khi nghiên cứu pháp luật một số quốc gia có truyền thống lâu đời về việc ghi nhận quyền im lặng như Nhật Bản và Hoa Kỳ, có thể thấy rằng thực chất quyền im lặng hay quyền không tự buộc tội đều có cùng nguồn gốc, sự phân định chỉ xuất hiện khi áp dụng quyền đó vào cá nhân là nghi phạm hay cá nhân bình thường. Cụ thể, nghi phạm thường được trao cho một quyền im lặng tuyệt đối, có quyền viện dẫn quyền im lặng để từ chối trả lời mọi câu hỏi bởi vì nghi phạm đã bị đặt trong vòng nghi vấn nên mọi lời khai của nghi phạm đều có rủi ro chống lại chính họ. Còn đối với những cá nhân khác như nhân chứng, đương sự thì có quyền im lặng tương đối, tức chỉ có thể viện dẫn quyền im lặng để từ chối trả lời

những câu hỏi có thể tiết lộ thông tin tự buộc tội chứ không được từ chối trả lời mọi câu hỏi. Quyền im lặng tương đối của các cá nhân này còn được gọi là quyền không tự buộc tội. Thực tế trong các tài liệu học thuật quốc tế, các khái niệm quyền im lặng và quyền không tự buộc tội được sử dụng thay thế cho nhau và có sự phân định rất mờ nhạt. Có thể nói, quyền im lặng và quyền không tự buộc tội tương đương nhau, nhưng khi cần phân biệt rõ hơn thì quyền im lặng có phạm vi rộng hơn quyền không tự buộc tội¹⁰. Do đó, có thể khẳng định, pháp luật TTHS Trung Quốc đã ghi nhận quyền im lặng tương đối cho nghi phạm.

Điều 52 Luật TTHS năm 2018 quy định “*Sử dụng tra tấn để thu lời khai bị nghiêm cấm một cách nghiêm ngặt, cũng như việc đe dọa, dụ dỗ, lừa dối và các phương pháp bất hợp pháp khác để thu thập bằng chứng; không ai có thể bị buộc phải chứng minh tội phạm của chính mình*”. Vì vậy, nếu đọc trong sự liên kết giữa hai mệnh đề trong cùng một câu, có thể thấy quy định này tập trung vào việc ngăn ngừa các phương pháp lấy lời khai trái luật, và quyền im lặng tương đối chỉ là một quyền hỗ trợ cho nguyên tắc trong mệnh đề trước đó. Do đó, có thể nhận thấy quyền im lặng tương đối chỉ có phạm vi giới hạn đến sự cưỡng ép bất hợp pháp bởi các thủ đoạn lấy lời khai không đúng luật mà không điều chỉnh đến các sự cưỡng ép hợp pháp như lệnh, yêu cầu hợp pháp của người có thẩm quyền. Đồng thời, phạm vi của quyền này có thể giới hạn chỉ đối với lời khai mà không tác động đến hành vi cung cấp chứng cứ tự buộc tội¹¹.

Khi sở hữu đồng thời quyền im lặng tương đối và nghĩa vụ trả lời trung thực, có thể hiểu rằng nghi phạm không bị ép buộc bằng các thủ đoạn trái pháp luật để cung cấp lời khai, nhưng họ có nghĩa vụ phải khai trung thực nếu quá trình thẩm vấn diễn ra hợp pháp. Tuy nhiên, có thể nhận thấy việc quy định nghi phạm sở hữu đồng thời quyền và nghĩa vụ đối lập nhau trong quá trình thẩm vấn thể hiện sự chần chừ của Trung Quốc trong việc loại bỏ sự quan trọng của lời khai trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, cho phép nghi can được tự do lựa chọn khai báo hoặc không¹². Điều này thể hiện rõ mục đích của quyền im lặng tại Trung Quốc là chỉ nhằm ngăn chặn các lời khai sai sự thật do bị tra tấn, bức cung, dùng nhục hình hơn là nhằm mục đích bảo đảm sự tự quyết cá nhân trong việc khai báo hay không.

⁷ Zhiyuan Guo, “Torture and Exclusion of Evidence in China,” *China Perspectives*, no. 1 (116)/2019: tr. 46, <https://www.jstor.org/stable/26663903>; Michael V. Profit, “Refusing to Be One’s Own Witness: How the Privilege Against Self-Incrimination Differs in China, France, and The United States,” *Elon Law Review*, no. 1 (February 24, 2016): tr. 160, <https://www.elon.edu/u/law/academics/experiential/elon-law-review/issues/volume-8-issue-1/>.

⁸ Zhang Qi, “Study on the Right of Silence System in China,” in *Proceedings of the 4th International Conference on Economics, Management, Law and Education (EMLE 2018)*, Moscow, Russia: Atlantis Press, 2018, tr. 812, <https://doi.org/10.2991/emle-18.2018.155>; Jiang Na and Han Rong, “Definitions of the Right to Remain Silent in China,” *Arts & Humanities Open Access Journal* 3, no. 2/2019: tr. 108, <https://doi.org/10.15406/ahoaj.2019.03.00114>.

⁹ Jiang Na and Han Rong, *tlđđ*, tr. 108; Na Jiang, *tlđđ*, tr. 174.

¹⁰ Võ Minh Kỳ, “Quyền im lặng trong tố tụng hình sự và một số vấn đề lý luận”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 24/2018, tr. 24-32.

¹¹ Michael V. Profit, *tlđđ*, 177.

¹² Jingkun Liu, *The Exclusionary Rule of Illegal Evidence in China: Theory, Case, Application*, 1st ed. 2019 edition (New York, NY: Springer, 2019), 187.

1.2. Nguyên tắc loại trừ lời khai bị cưỡng ép: Cơ chế bảo vệ quyền im lặng tại Trung Quốc

Đồng thời với quyền im lặng, Luật TTHS Trung Quốc cũng đã xây dựng cơ chế loại trừ lời khai thu thập được nếu quá trình thu thập đã xâm phạm quyền im lặng. Theo đó, Điều 52 Luật TTHS năm 2018 nghiêm cấm việc sử dụng tra tấn, đe dọa, dụ dỗ, lừa dối và các phương pháp trái luật khác để thu thập lời nhận tội. Điều 56 Luật này còn quy định về việc loại trừ các lời khai, lời nhận tội được thu thập bởi tra tấn và các phương pháp trái luật khác. Tại Quy định một số vấn đề về nghiêm ngặt loại trừ chứng cứ không hợp pháp trong giải quyết vụ án hình sự năm 2017 (*Provisions on Several Issues Regarding the Strict Exclusion of Illegal Evidence in Handling Criminal Cases*) do Tòa án Tối cao, Viện kiểm sát tối cao, Bộ Công an cùng ban hành¹³, Điều 2 quy định lời khai được thu thập trái với ý chí của người bị buộc tội vì họ không thể chịu đựng được sự đau đớn được gây ra bởi các phương pháp bạo lực phải bị loại trừ.

Đối với việc loại trừ lời khai, lời nhận tội do tra tấn, đe dọa, dụ dỗ, lừa dối và các biện pháp trái luật khác, phần lớn các học giả Trung Quốc thường tiếp cận sự loại trừ này theo các nguyên tắc loại trừ chứng cứ thay vì tiếp cận dưới góc độ quyền im lặng/quyền không tự buộc tội vì quy định về quyền im lặng vẫn chưa được ghi nhận chính thức đầy đủ. Họ cho rằng, việc loại trừ chứng cứ là các lời nhận tội bị cưỡng ép là bởi quá trình thu thập các lời nhận tội này đã xâm phạm đến các quyền con người cơ bản như tính mạng, sức khỏe của người đó¹⁴. Tuy nhiên, có thể thấy, dù tiếp cận dưới góc độ nguyên tắc loại trừ chứng cứ hay dưới góc độ quyền im lặng thì việc loại trừ các lời nhận tội do tra tấn, đe dọa, dụ dỗ, lừa dối và các biện pháp trái luật khác cũng đã dựa trên yếu tố cốt lõi của quyền im lặng/quyền không tự buộc tội, đó là sự cưỡng ép trong việc lấy lời khai và dẫn đến các lời khai không tự nguyện¹⁵. Do đó, loại trừ lời khai bị cưỡng ép cũng được xem là một biện pháp bảo vệ quyền im lặng, và cũng đồng thời là biện pháp ngăn chặn tra tấn, bức cung, dùng nhục hình trong quá trình lấy lời khai.

Theo quan điểm truyền thống, việc loại trừ lời nhận tội do bị tra tấn, bức cung, nhục hình chủ yếu dựa trên cơ sở không đáng tin cậy¹⁶, thể hiện rõ nét tính công lý thực chất. Bởi lẽ, các lời

nhận tội đó được đưa ra trong hoàn cảnh người bị buộc tội chịu sự đau đớn về thể xác hoặc tinh thần, dẫn đến các lời khai đó không đáng tin cậy và có thể chứa đựng các thông tin không chính xác nên cần phải loại trừ. Tuy nhiên, đặt ngược lại, nếu lời nhận tội được xác định là chính xác, đúng đắn dựa trên việc xem xét với các chứng cứ khác thì liệu có phải loại trừ các lời khai đó không, và nếu không loại trừ thì việc sử dụng tra tấn, bức cung, dùng nhục hình để thu thập lời nhận tội có được chấp nhận nếu các hành vi đó dẫn đến các lời khai đúng sự thật. Vì vậy, quan điểm truyền thống đã không có nhiều tác dụng trong việc ngăn chặn tra tấn, bức cung, dùng nhục hình bởi khi thực hiện tra tấn, bức cung, nhục hình thì người thực hiện luôn mong muốn và cho rằng họ sẽ thu nhận được lời nhận tội với thông tin chính xác. Tuy nhiên, ở trước, trong và thậm chí cả sau quá trình thực hiện hành vi tra tấn, bức cung, nhục hình, họ không thể biết được liệu các lời nhận tội sẽ nhận được là đúng hay sai, mà chỉ sau quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì các cơ quan tố tụng mới có đủ căn cứ kết luận tính chính xác của lời nhận tội. Do đó, các lý thuyết hiện đại về việc loại trừ lời khai, lời nhận tội đã bỏ qua vấn đề về tính chính xác của lời khai mà nhấn mạnh vào quá trình lấy lời khai và quyền con người, thể hiện rõ nét hơn công lý thủ tục. Theo đó, việc loại trừ lời nhận tội là kết quả của tra tấn, bức cung, dùng nhục hình được đưa trên cơ sở của sự xâm phạm quyền con người và vi phạm trình tự tố tụng công bằng¹⁷. Bất kể lời khai, lời nhận tội là đúng hay sai thì các lời khai, lời nhận tội đó vẫn phải bị loại trừ chỉ đơn giản vì quá trình thu thập đã vi phạm nghiêm trọng đến các quyền cơ bản của con người, vi phạm trình tự công bằng trong việc chứng minh tội phạm. Điều này đã triệt để làm giảm động lực của cơ quan điều tra trong việc sử dụng tra tấn, bức cung, nhục hình, từ đó ngăn chặn hành vi tra tấn, bức cung, dùng nhục hình.

Như vậy, bên cạnh việc trao quyền im lặng giới hạn cho người bị buộc tội, Trung Quốc còn quy định về cơ chế loại trừ chứng cứ do vi phạm quyền im lặng, tức loại trừ lời khai, lời nhận tội có được do ép buộc bởi tra tấn, đe dọa, dụ dỗ, lừa dối và các phương pháp trái luật khác. Việc loại trừ các lời khai, lời nhận tội bị cưỡng ép làm giảm động lực của các cơ quan tố tụng trong việc thực hành hành vi trái luật khi lấy lời khai, hỏi cung.

Để đảm bảo việc loại trừ lời nhận tội, Luật TTHS năm 2018 và các văn bản dưới luật khác cũng đã quy định về trình tự, thủ tục loại trừ chứng cứ và các vấn đề liên quan như nghĩa vụ chứng minh và ngưỡng chứng minh. Theo Quy định nghiêm ngặt loại trừ chứng cứ năm 2017,

¹³ Tham khảo bản dịch tiếng Anh tại <https://www.chinalawtranslate.com/en/provisions-on-several-issues-regarding-the-strict-exclusion-of-illegal-evidence-in-handling-criminal-cases/>, truy cập ngày 08/7/2023.

¹⁴ Jingkun Liu, tldđ, tr. 66-73.

¹⁵ Alan M. Dershowitz, *Is There a Right to Remain Silent?: Coercive Interrogation and the Fifth Amendment After 9/11 (Inalienable Rights)*, Oxford: Oxford University Press, 2008, tr. 34.

¹⁶ Jingkun Liu, tldđ, tr. 34-35.

¹⁷ Jingkun Liu, tldđ, tr.36-38.

người bị buộc tội và người bào chữa của họ có quyền gửi yêu cầu loại trừ chứng cứ đến Viện kiểm sát (trong giai đoạn điều tra, truy tố) hoặc Tòa án (trong giai đoạn xét xử) để loại trừ lời khai, lời nhận tội được thu thập bằng hình thức tra tấn và các biện pháp trái luật khác. Khi đó, Viện kiểm sát và Tòa án phải nghiêm túc xem xét yêu cầu của phía bào chữa. Nếu trong giai đoạn điều tra, truy tố, Viện kiểm sát quyết định loại trừ lời khai, lời nhận tội thì các lời khai, lời nhận tội đó sẽ được rút ra khỏi hồ sơ chính, đính thành một tệp hồ sơ riêng và được đóng dấu đã loại bỏ, kèm theo bảng mô tả ngắn về lý do loại bỏ. Sau đó, tệp hồ sơ chứng cứ bị loại trừ này sẽ được chuyển đến Tòa án cùng hồ sơ chính của vụ án¹⁸. Cần lưu ý rằng, pháp luật Trung Quốc cũng đã quy định về việc khắc phục lời khai bị cưỡng ép ngay từ giai đoạn điều tra; theo đó, nếu sau khi đã loại trừ lời khai bị cưỡng ép, Điều tra viên hoặc Kiểm sát viên tiến hành thẩm vấn lần nữa, cung cấp thông tin về các quyền tố tụng và hậu quả pháp lý của việc nhận tội, và bị can tự nguyện nhận tội thì lời nhận tội mới sẽ được chấp nhận làm chứng cứ của vụ án¹⁹. Nếu tại giai đoạn xét xử, việc loại trừ lời khai, lời nhận tội có thể tiến hành ở buổi họp đánh giá chứng cứ hoặc ngay tại phiên tòa, tùy vào thời điểm mà phía bào chữa yêu cầu xem xét tính hợp pháp của lời khai, lời nhận tội²⁰.

Về cơ bản, phía bào chữa có nghĩa vụ chứng minh sơ bộ, do đó họ chỉ cần cung cấp một số thông tin ban đầu cùng với yêu cầu loại trừ chứng cứ như tên của người đã tra tấn, thời gian, địa điểm, có người làm chứng hay không hoặc các giấy tờ kiểm tra sức khỏe. Còn nghĩa vụ chứng minh lời khai, lời nhận tội được thu thập hợp pháp thuộc về phía buộc tội²¹. Như vậy, đồng thời với việc thu thập chứng cứ giải quyết vụ án, phía buộc tội còn phải chú ý thu thập các chứng cứ chứng minh sự hợp pháp của các chứng cứ giải quyết vụ án.

Về ngưỡng chứng minh, Điều 60 Luật TTHS năm 2018 quy định chứng cứ sẽ bị loại trừ khi Tòa án xác định có sự việc thu thập chứng cứ trái pháp luật quy định tại Điều 56 của Luật này hoặc xét thấy không đủ căn cứ để khẳng định sự việc trái luật đó không xảy ra. Như vậy, các học giả Trung Quốc cho rằng quy định trên đã đặt ra hai trường hợp loại trừ lời khai, lời nhận tội, đó là (1) khi có

đủ căn cứ để xác định chắc chắn có sự việc cưỡng ép trái luật xảy ra, và (2) khi không đủ căn cứ để xác định sự việc cưỡng ép trái luật không xảy ra. Có nghĩa là, ngay cả khi trong trường hợp còn nghi ngờ, chưa chắc chắn về việc có hay không sự việc hành vi cưỡng ép trái luật, thì vẫn phải loại trừ lời khai, lời nhận tội đó. Tòa án và Viện kiểm sát chỉ được phép sử dụng lời khai, lời nhận tội trong duy nhất một trường hợp là đủ căn cứ chắc chắn việc thu thập lời khai, lời nhận tội đó là đúng quy định, không xảy ra sự cưỡng ép trái luật. Do đó, nhiều học giả cho rằng pháp luật TTHS Trung Quốc đã áp dụng ngưỡng chứng minh “vượt qua nghi ngờ hợp lý” đối với việc chứng minh tính hợp pháp của lời khai, lời nhận tội²².

Như vậy, tại Trung Quốc, trong nỗ lực ngăn chặn tra tấn, bức cung, dùng nhục hình, quyền im lặng đã được ghi nhận ở mức độ giới hạn là quyền không tự buộc tội, và các hành vi thu thập lời khai mang tính chất cưỡng ép, trái với ý chí của người bị buộc tội như tra tấn, bức cung, dùng nhục hình đều bị nghiêm cấm. Luật TTHS và các văn bản dưới luật cũng đã cung cấp quy trình chi tiết thực hiện việc loại trừ các lời khai, lời nhận tội bị cưỡng ép cũng như các vấn đề liên quan như nghĩa vụ chứng minh và ngưỡng tiêu chuẩn chứng minh. Việc quy định nghĩa vụ chứng minh thuộc về phía buộc tội với ngưỡng chứng minh cao sẽ khiến Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra cẩn trọng hơn trong quá trình thu thập lời khai, tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình thẩm vấn. Từ đó, triết tiêu động lực của Cơ quan điều tra trong việc sử dụng bức cung, tra tấn, nhục hình, từ đó ngăn chặn hiện tượng này trong tố tụng.

2. Quyền im lặng và chống tra tấn, bức cung, dùng nhục hình trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam

Tại Việt Nam, nhìn chung pháp luật hình sự và TTHS nghiêm cấm việc sử dụng các hành vi tra tấn, bức cung, dùng nhục hình. Tuy nhiên, các hành vi này đôi khi vẫn còn xảy ra trên thực tế²³. Việc sử dụng các biện pháp trái luật này khi thu thập lời khai, lời nhận tội là một trong các nguyên

²² Zhiyuan Guo, “Exclusion of Illegally Obtained Confessions in China,” tldd, tr. 44.

²³ Theo Cục Thống kê tội phạm và công nghệ thông tin, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, giai đoạn năm 2010 đến 12/2020, Cơ quan điều tra đã khởi tố 49 vụ/78 bị can về tội dùng nhục hình. Một thống kê khác cho thấy, từ 01/01/2013 đến 10/2022, tòa án đã thụ lý xét xử 28 vụ/61 bị cáo về tội dùng nhục hình. Xem thêm Trịnh Duy Thuyền, *Nội luật hóa quy định của Công ước Liên hợp quốc về chống tra tấn đối với lấy lời khai, hỏi cung bị can trong BLTTHS Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, 2021, tr. 76, <http://luanvan.moet.edu.vn/?page=1.33&view=38818>; Phạm Thanh Sơn, “Tra tấn và phòng, chống tra tấn ở Việt Nam: Phân tích từ lăng kính của Luật Nhân quyền quốc tế và các thách thức pháp lý đặt ra,” Diễn đàn khoa học Nghiên cứu sinh, ngày 22/5/2023, Trường Đại học Luật, Đại học quốc gia Hà Nội.

¹⁸ Điều 17 Quy định một số vấn đề về nghiêm ngặt loại trừ chứng cứ không hợp pháp trong giải quyết vụ án hình sự năm 2017.

¹⁹ Điều 5 Quy định một số vấn đề về nghiêm ngặt loại trừ chứng cứ không hợp pháp trong giải quyết vụ án hình sự năm 2017.

²⁰ Điều 25, 26, 27 Quy định một số vấn đề về nghiêm ngặt loại trừ chứng cứ không hợp pháp trong giải quyết vụ án hình sự năm 2017.

²¹ Jingkun Liu, tldd, tr.131-33.

nhân chính dẫn đến oan sai²⁴. Vào năm 2015, sau khi một số vụ án oan sai nghiêm trọng bị phát hiện, cơ quan lập pháp Việt Nam đã giới thiệu quyền im lặng vào Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 như là một phương tiện bảo vệ người bị buộc tội khỏi việc bị cưỡng ép lấy lời khai bằng các biện pháp trái luật như tra tấn, bức cung, dùng nhục hình, từ đó ngăn chặn kết án oan sai²⁵. Theo BLTTHS năm 2015, người bị bắt, bị giữ, người bị tạm giữ, bị can, và bị cáo có quyền “không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội”²⁶. Như vậy, tương tự Trung Quốc, Việt Nam chỉ trao cho người bị buộc tội quyền im lặng theo nghĩa hẹp, tức giới hạn ở những lời khai chứa thông tin chống lại họ và lời nhận tội, chứ không phải một quyền im lặng tuyệt đối.

Song song với quyền im lặng, BLTTHS năm 2015 còn nhấn mạnh nghiêm cấm sử dụng tra tấn, bức cung, dùng nhục hình trong quá trình tố tụng. Theo đó, quy định về bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể (Điều 10) nghiêm cấm việc tra tấn, bức cung, dùng nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, tính mạng, sức khỏe của con người. Điều 11 BLTTHS năm 2015 về bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân quy định mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân; xâm phạm danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân đều bị xử lý theo pháp luật. Trong quy định về quy trình hỏi cung bị can, Bộ luật này nhấn mạnh khả năng truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên khi tra tấn, bức cung trong hoạt động hỏi cung bị can tại khoản 5 Điều 183 BLTTHS năm 2015.

Đồng thời, BLTTHS năm 2015 còn ghi nhận khả năng loại trừ lời khai, lời nhận tội được thu thập bằng biện pháp trái luật khi khoản 2 Điều 87 quy định “*Những gì có thật nhưng không được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì không có giá trị pháp lý và không được dùng làm căn cứ*

để giải quyết vụ án hình sự.” Như vậy, tuy BLTTHS năm 2015 không trực tiếp nhắc đến việc loại trừ lời khai, lời nhận tội do bị tra tấn, bức cung, dùng nhục hình, nhưng quy định này cũng đã ngụ ý rằng lời khai, lời nhận tội do bị tra tấn, bức cung, dùng nhục hình đã cưỡng ép người bị buộc tội phải nhận tội, vi phạm đến quyền im lặng của họ nên phải bị loại trừ do không tuân theo trình tự, thủ tục thu thập do BLTTHS năm 2015 quy định. Khoản 2 Điều 87 cũng không quy định hệ quả là chứng cứ có phải chứa đựng thông tin sai sự thật hay không, mà chỉ cần vi phạm trình tự, thủ tục là đã có thể loại trừ; tức nhấn mạnh đến tính công lý về thủ tục (procedural justice) chứ không phải về nội dung (substantive justice).

Tuy nhiên, văn bản dưới luật lại đưa ra luận giải khác về việc loại trừ lời khai, lời nhận tội do bị tra tấn, bức cung, dùng nhục hình. Thông tư liên tịch (TTLT) số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP ngày 22/12/2017 quy định về việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong thực hiện một số quy định của BLTTHS năm 2015 về trả hồ sơ để điều tra bổ sung (gọi tắt là TTLT số 02/2017) đã quy định về vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng để trả hồ sơ điều tra bổ sung có liên quan đến bức cung, nhục hình tại điểm o khoản 1 Điều 6 như sau: “*Có căn cứ để xác định có việc bức cung, nhục hình trong quá trình tiến hành tố tụng làm cho lời khai của bị can không đúng sự thật.*” Như vậy, theo TTLT số 02/2017 thì bức cung, dùng nhục hình phải đi kèm với hệ quả lời khai của bị can không đúng sự thật thì mới được xem là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Quy định này kế thừa tương tự với điểm n khoản 1 Điều 4 TTLT số 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC ngày 27/8/2010 về hướng dẫn thi hành các quy định của BLTTHS năm 2003 về việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Thực hiện suy lý ngược, nếu bức cung, dùng nhục hình nhưng bị can khai ra đúng sự thật thì không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên không thực hiện trả điều tra bổ sung. Đồng thời, nếu cấp sơ thẩm sử dụng những lời khai, lời nhận tội đúng sự thật đó để làm một trong các căn cứ để kết án thì đây không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng²⁷. Như vậy,

²⁴ Một nghiên cứu của tác giả Lê Lan Chi và các cộng sự vào năm 2022 đã chỉ ra rằng, trong các vụ án oan sai điển hình tại Việt Nam (như các vụ Nguyễn Thanh Chấn, Huỳnh Văn Nén, Hàn Đức Long), việc sử dụng tra tấn, bức cung, dùng nhục hình trong hoạt động lấy lời khai, hỏi cung trong giai đoạn điều tra là một trong các nguyên nhân chính dẫn đến việc người bị buộc tội đã phải nhận tội dù không phạm tội, từ đó dẫn đến việc kết án oan sai. Xem thêm Lan Chi Le et al., “Understanding Causes for Wrongful Convictions in Vietnam: A View from the Top and the Bottom of the Iceberg,” *Asian Journal of Criminology*, 2022, <https://doi.org/10.1007/s11417-022-09390-7>.dignity.

²⁵ Lê Thị Nga (2015), “Quyền im lặng” và suy đoán vô tội, <https://tuoitre.vn/quyen-im-lang-va-suy-doan-vo-toi-763185.htm>, truy cập ngày 08/7/2023.

²⁶ Điểm d khoản 1 Điều 58; điểm c khoản 2 Điều 59; điểm d khoản 2 Điều 60; điểm h khoản 2 Điều 61 BLTTHS năm 2015

²⁷ Tuy TTLT số 02/2017 chỉ quy định về vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong thủ tục trả hồ sơ điều tra bổ sung nhưng trên thực tiễn áp dụng, nhiều tòa án vẫn tham khảo, vận dụng thông tư liên tịch này để xem xét vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm. Bởi lẽ, cùng một BLTTHS, một cụm từ “vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng” lại có cách hiểu khác nhau ở các giai đoạn khác nhau là bất hợp lý. Đồng thời, TTLT số 02/2017 cũng có sự tham gia ký kết của lãnh đạo ngành Tòa án nên cũng có thể xem là ý kiến của Tòa tối cao về vấn đề này, do đó, thực hiện theo TTLT số 02/2017 trong thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm là lựa

có thể kết luận, TTLT số 02/2017 đã vô hiệu hóa một phần khoản 2 Điều 87 BLTTHS năm 2015 và mở đường phần nào cho việc sử dụng tra tấn, bức cung, nhục hình, miễn là có thể thu thập được lời khai đúng sự thật.

Mặt khác, Việt Nam chưa có quy định về trình tự, thủ tục loại trừ lời khai, lời nhận tội do bị cưỡng ép bởi hành vi trái luật. Trong giai đoạn điều tra, truy tố, nếu phát hiện lời khai, lời nhận tội do bị cưỡng ép bởi hành vi trái luật thì cơ quan tố tụng sẽ xử lý thế nào vẫn chưa rõ ràng. Khoản 7 Điều 165 và khoản 6 Điều 166 BLTTHS năm 2015 quy định Viện kiểm sát có quyền kiến nghị, yêu cầu Cơ quan điều tra khắc phục vi phạm hoạt động điều tra hoặc trực tiếp tiến hành hoạt động điều tra nếu sau khi kiến nghị, yêu cầu bằng văn bản mà Cơ quan điều tra không thực hiện. Tuy nhiên, việc khắc phục ở đây nên được hiểu như thế nào lại là một vấn đề chưa có lời giải. Liệu cơ quan tố tụng sẽ sửa chữa, bổ sung những thiếu sót và tìm cách “hợp thức hóa” các bản nhận tội đã bị cưỡng ép để tiếp tục sử dụng chúng, hay cơ quan tố tụng sẽ loại bỏ các bản nhận tội này và tiến hành lấy lời khai mới. Sự chưa rõ ràng này khiến Viện kiểm sát chưa có cơ sở vững chắc để tiến hành loại trừ các lời khai bị cưỡng ép. Đồng thời, việc Viện kiểm sát sẽ xử lý thế nào đối với các lời khai bị cưỡng ép, tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án để chuyển tòa hay sẽ bỏ ra hẳn hồ sơ vụ án để tránh thẩm phán gặp khó khăn trong việc xem xét hai lời khai khác nhau, vẫn chưa được quy định cụ thể.

Tại phiên tòa, việc loại trừ này có thể được tiến hành tại phiên tòa và được quyết định đồng thời cùng với việc đưa ra phán quyết vụ án. Phía bị cáo và người bào chữa sẽ đưa ra yêu cầu loại trừ các lời khai, lời nhận tội này tại phần tranh luận và đưa ra các chứng cứ, lập luận để thuyết phục Hội đồng xét xử không sử dụng các lời khai, lời nhận tội được thu thập bởi hành vi cưỡng ép trái luật. Tuy nhiên, hiện nay BLTTHS năm 2015

chọn mang tính an toàn của nhiều thẩm phán.

Mặt khác, Trong Dự thảo lần 1 của Nghị quyết Hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLTTHS, Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật Tố tụng hành chính về thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm, tại điểm r khoản 2 Điều 5 cũng quy định căn cứ giám đốc thẩm vụ án hình sự khi có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng liên quan đến vấn đề bức cung, dùng nhục hình là “Có căn cứ để xác định có việc bức cung, nhục hình trong quá trình tiến hành tố tụng làm cho lời khai của bị can không đúng sự thật.” Tuy dự thảo này chưa được ban hành chính thức nhưng quy định trên cũng đã thể hiện phần nào quan điểm của Tòa án rằng nếu có bức cung, dùng nhục hình thì việc bức cung, dùng nhục hình đó phải dẫn đến lời khai sai sự thật mới cấu thành nên vi phạm nghiêm trọng trong thủ tục tố tụng. Xem Dự thảo tại: <https://vbpq.toaan.gov.vn/webcenter/portal/htvb/chi-tiet-vbdt?dDocName=TAND136778>, truy cập ngày 23/10/2023.

chưa có quy định về nghĩa vụ chứng minh tính hợp pháp của lời khai, lời nhận tội được đưa ra làm chứng cứ giải quyết vụ án nên thực tiễn xét xử cho thấy Hội đồng xét xử thường yêu cầu người đưa ra yêu cầu loại trừ phải cung cấp chứng cứ chứng minh sự trái luật²⁸. Tuy nhiên, điều này đã đẩy ngược nghĩa vụ chứng minh về cho phía bị cáo, trong khi đó đáng lẽ ra nghĩa vụ này phải thuộc về phía công tố. Bởi phía công tố có nghĩa vụ phải chứng minh tội phạm, người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh mình vô tội. Do đó, nếu phía công tố đã có nghĩa vụ chứng minh tội phạm, họ phải chứng minh tội phạm bằng các chứng cứ hợp pháp, nên họ cũng phải có nghĩa vụ chứng minh tính hợp pháp của các chứng cứ mà họ đã sử dụng làm căn cứ buộc tội. Ngoài ra, cơ quan công tố còn có điều kiện thuận lợi để thu thập chứng cứ chứng minh tính hợp pháp đó do cơ quan điều tra, cơ quan công tố là phía chủ động trong việc thu thập lời khai, lời nhận tội, từ thời gian, địa điểm, thành phần tham gia và khả năng ghi âm hoặc ghi hình. Tương tự, BLTTHS năm 2015 cũng chưa quy định về ngưỡng tiêu chuẩn chứng minh tính hợp pháp của lời khai, lời nhận tội được đưa ra sử dụng làm chứng cứ.

Tóm lại, BLTTHS năm 2015 đã có những bước đầu ghi nhận quyền im lặng có giới hạn của người bị buộc tội và các quy định về loại trừ lời khai, lời nhận tội bị cưỡng ép do vi phạm trình tự, thủ tục khi thu thập, vi phạm quyền im lặng của người bị buộc tội. Tuy nhiên, văn bản dưới luật đã vô hiệu hóa phần nào quy định về loại trừ lời khai, lời nhận tội do bị cưỡng ép khi chỉ giới hạn việc loại trừ đó ở lời khai sai sự thật; đồng thời, pháp luật tố tụng cũng chưa quy định về trình tự, thủ tục thực hiện việc loại trừ, nghĩa vụ chứng minh cũng như ngưỡng tiêu chuẩn chứng minh. Do đó, trên thực tiễn, rất khó để phía bị cáo và người bào chữa có thể yêu cầu thành công Tòa án loại trừ lời khai, lời nhận tội bị thu thập bởi các biện pháp trái luật.

3. Kết luận và kiến nghị

Có thể thấy, động lực chính thúc đẩy Việt Nam và Trung Quốc cùng quy định quyền im lặng là nhằm ngăn chặn tra tấn, bức cung, nhục hình trong quá trình lấy lời khai, hỏi cung người bị buộc tội, từ đó có rủi ro tạo nên các lời khai sai trái, dẫn đến kết án oan sai. Ngược lại với các quốc gia phương Tây, nơi mà quyền im lặng chú trọng nhiều hơn đến quyền tự quyết cá nhân, mở rộng đến cả sự cưỡng ép chính thức và cả hành vi

²⁸ Đặng Văn Cường (2021), *Bức cung, dùng nhục hình và vấn đề đạo đức trong tố tụng hình sự*, Tạp chí Luật sư Việt Nam, <https://lsvn.vn/buc-cung-dung-nhuc-hinh-va-van-de-dao-duc-trong-to-tung-hinh-su1614783608.html>, truy cập ngày 25/10/2023.

tự buộc tội ở mức độ nhất định. Chính vì vậy, cả Việt Nam và Trung Quốc đều chỉ ghi nhận quyền im lặng theo mức độ tương đối, tức quyền không tự buộc tội. Cả hai quốc gia đều là những quốc gia mới ghi nhận quyền im lặng trong những năm gần đây với mục đích tương tự nhau. Tuy nhiên, nếu Trung Quốc đã quy định cơ chế bảo vệ quyền im lặng bằng cách tạo ra hành lang pháp lý khá rõ ràng trong việc loại trừ lời khai, lời nhận tội do bị cưỡng ép, xâm phạm đến quyền im lặng, tránh dùng các lời khai này trong việc giải quyết vụ án thì Việt Nam vẫn còn thiếu hụt một số quy định cụ thể.

Một là, tại Trung Quốc, quy định đã nêu rõ về việc loại trừ lời khai, lời nhận tội có được do bị cưỡng ép bởi các như hành vi tra tấn, đe dọa, dụ dỗ, lừa dối và các biện pháp trái luật khác. Điều này tạo ra cơ sở pháp lý rõ ràng, vững chắc và dứt khoát cho việc loại trừ các lời khai bị cưỡng ép. Tại Việt Nam, khoản 2 Điều 87 BLTTHS năm 2015 quy định tương tự *“Những gì có thật nhưng không được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì không có giá trị pháp lý và không được dùng làm căn cứ để giải quyết vụ án hình sự”*. Tuy nhiên, TTTLT số 02/2017 lại quy định rằng bức cung, dùng nhục hình phải dẫn đến lời khai sai sự thật thì mới là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Điều này đã đi ngược lại tinh thần của khoản 2 Điều 87 BLTTHS năm 2015, có khả năng dẫn đến nhận thức sai lầm là bức cung, nhục hình dẫn đến lời khai, lời nhận tội đúng chỉ là vi phạm không nghiêm trọng và vẫn có thể được chấp nhận ở mức độ nhất định.

Hai là, Trung Quốc đã xây dựng khá đầy đủ và chi tiết quy trình loại trừ lời khai do bị cưỡng ép. Theo đó, trong giai đoạn tiền xét xử, Viện kiểm sát sẽ kiểm tra, đánh giá và loại trừ lời khai bị cưỡng ép, còn tại giai đoạn xét xử thì Tòa án sẽ là cơ quan có quyền quyết định. Tại Việt Nam, việc xử lý lời khai bị cưỡng ép trong giai đoạn xét xử tương đối rõ ràng khi Tòa án có quyền lựa chọn chấp nhận hay không chấp nhận sử dụng lời khai nào trong phán quyết. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố chưa được quy định rõ ràng mà chỉ mới nêu chung chung là *“khắc phục vi phạm”*. Việc khắc phục này nên hiểu là loại trừ lời khai bị cưỡng ép để lấy lời khai mới hay là sửa chữa, bổ sung và hợp thức hóa lời khai bị cưỡng ép vẫn còn chưa rõ ràng. Điều này khiến cơ quan tố tụng chưa có cơ sở pháp lý để mạnh dạn loại bỏ lời khai bị cưỡng ép ra khỏi hồ sơ vụ án ngay từ giai đoạn tiền xét xử.

Ba là, Trung Quốc đã có sự ghi nhận khá cụ thể và rõ ràng về nghĩa vụ chứng minh và ngưỡng tiêu chuẩn chứng minh tính hợp pháp của lời khai, lời nhận tội. Theo đó, phía công tố có nghĩa vụ chứng minh lời khai, lời nhận tội được

thu thập hợp pháp mà không còn bất kỳ một nghi ngờ nào khác. Ngược lại, tại Việt Nam, chưa có quy định về chứng minh tính hợp pháp của lời khai, lời nhận tội được thu thập trong quá trình điều tra, từ đó dẫn tới một thực tế là hầu hết các Tòa án đều yêu cầu phía bào chữa cung cấp chứng cứ chứng minh nếu họ đưa ra ý kiến cho rằng lời khai, lời nhận tội là do bị cưỡng ép. Điều này đã gây khó khăn cho việc chứng minh bởi người bị buộc tội ở thế yếu trong quá trình tố tụng nên rất khó để họ thu thập đủ chứng cứ.

Qua nghiên cứu, tác giả cho rằng có thể tham khảo một số kinh nghiệm từ Trung Quốc để hoàn thiện pháp luật Việt Nam về quyền im lặng trong việc chống tra tấn, bức cung, dùng nhục hình như sau:

Thứ nhất, cần bổ sung quy định ghi nhận rõ ràng, minh bạch về việc loại trừ lời khai, lời nhận tội được thu thập từ hoạt động trái pháp luật như tra tấn, bức cung, nhục hình mà không cần quan tâm đến lời khai, lời nhận tội đó là đúng hay sai. Cụ thể, kiến nghị bổ sung khoản 3 Điều 98 BLTTHS năm 2015 như sau: *“Lời khai, lời nhận tội của người bị buộc tội được thu thập bởi tra tấn, bức cung, nhục hình hoặc bởi các biện pháp trái luật khác không có giá trị pháp lý và không được dùng làm căn cứ giải quyết vụ án.”* Đồng thời, sửa đổi điểm o khoản 1 Điều 6 TILT số 02/2017 như sau: *“Có căn cứ để xác định có việc bức cung, nhục hình trong quá trình tiến hành tố tụng khiến người bị buộc tội phải khai báo, trừ trường hợp lời khai do bị bức cung, nhục hình đó đã bị loại bỏ và người bị buộc tội đã tự nguyện cho lời khai khác.”* Điều này nhằm nâng cao nhận thức của cơ quan tố tụng và khả năng áp dụng trên thực tiễn của việc loại trừ các lời khai, lời nhận tội bị cưỡng ép, bất kể thông tin nhận tội là đúng hay sai.

Thứ hai, cần bổ sung quy định về việc loại bỏ lời khai, lời nhận tội bị cưỡng ép bởi tra tấn, bức cung, nhục hình ngay từ giai đoạn điều tra, truy tố. Theo đó, bên cạnh quyền kiến nghị, yêu cầu, nên sửa đổi khoản 6 Điều 166 BLTTHS năm 2015 theo hướng bổ sung cho Viện kiểm sát quyền loại trừ các lời khai, lời nhận tội bị cưỡng ép ở giai đoạn tiền xét xử. Các lời khai, lời nhận tội bị loại trừ này nên được đánh dấu loại trừ, được ghi chú và chuyển cùng hồ sơ vụ án để Tòa án có cái nhìn khách quan và tổng quát về toàn bộ tiến trình tố tụng. Tại Trung Quốc và Việt Nam, Viện kiểm sát là cơ quan kiểm sát hoạt động tư pháp, đảm bảo mọi hoạt động tố tụng đúng pháp luật nên được trao quyền này là hoàn toàn phù hợp nhằm đảm bảo hoạt động của cơ quan điều tra là đúng pháp luật. Đồng thời, việc loại trừ lời khai, lời nhận tội bị cưỡng ép ngay từ giai đoạn điều tra, truy tố sẽ tránh lãng phí nguồn lực, thời gian, công sức cho vấn đề lời khai, lời nhận tội này trong giai đoạn xét xử. Sau khi loại trừ, Viện kiểm sát có thể kịp

thời yêu cầu Cơ quan điều tra khắc phục, lấy lời khai bổ sung để tránh bỏ lọt tội phạm. Cùng lúc đó, nếu sau khi loại trừ lời khai, lời nhận tội mà các chứng cứ còn lại không đủ căn cứ cho việc khởi tố, truy tố thì Viện kiểm sát có thể ngay lập tức đình chỉ điều tra, đình chỉ truy tố nhằm bảo vệ tốt hơn quyền lợi của người bị buộc tội, thay vì phải chờ đến giai đoạn xét xử.

Thứ ba, cần quy định về nghĩa vụ chứng minh tính hợp pháp của lời khai, lời nhận tội trong trường hợp có ý kiến phản đối của phía bào chữa trong giai đoạn xét xử. Theo đó, nên quy định phía bị buộc tội chỉ cần cung cấp các thông tin sơ bộ (như thời gian, địa điểm, cách thức...) về việc bị cưỡng ép khi đưa ra ý kiến phản đối thì phía công tố buộc tội phải có nghĩa vụ chứng minh tính hợp pháp của lời khai, lời nhận tội. Bởi lẽ, theo nguyên tắc chung của tố tụng hình sự, phía công tố có nghĩa vụ phải chứng minh tội phạm, người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh mình vô tội. Do đó, nếu phía công tố đã có nghĩa vụ chứng minh tội phạm thì họ phải chứng minh tội phạm bằng các chứng cứ hợp pháp, nên họ cũng phải có nghĩa vụ chứng minh tính hợp pháp của các chứng cứ mà họ đã sử dụng làm căn cứ buộc tội. Ngoài ra, cơ quan công tố còn có điều kiện thuận lợi để thu thập chứng cứ chứng minh tính hợp pháp đó do cơ quan điều tra, cơ quan công tố là phía chủ động trong việc thu thập lời khai, lời nhận tội, từ thời gian, địa điểm, thành phần tham gia và khả năng ghi âm hoặc ghi hình. Việc đặt nghĩa vụ chứng minh lên phía cơ quan công tố sẽ khiến cơ quan này đặt nhiều sự quan tâm hơn và tạo ra sức ép đến quá trình lấy lời khai của Cơ quan điều tra diễn ra hợp pháp, đúng quy định./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alan M. Dershowitz, *Is There a Right to Remain Silent?: Coercive Interrogation and the Fifth Amendment After 9/11 (Inalienable Rights)*, Oxford, Oxford University Press, 2008;
2. Wei Wu and Tom Vander Beken, "Police Torture in China and Its Causes: A Review of Literature", *Australian and New Zealand Journal of Criminology* 43, no. 3 (2010), <https://heinonline.org/HOL/P?h=hein.journals/anzjc43&i=557>;
3. Luật Tố tụng hình sự Trung Quốc năm 2012;
4. Lê Thị Nga (2015), *Quyền im lặng và suy đoán vô tội*, <https://tuoitre.vn/quyen-im-lang-va-suy-doan-vo-toi-763185.htm>, truy cập ngày 08/7/2023 ;
5. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 ;
6. Michael V. Profit, "Refusing to Be One's Own Witness: How the Privilege Against Self-Incrimination Differs in China, France, and The United States," *Elon Law Review* 8, no. 1/2016, <https://www.elon.edu/u/law/academics/experiential/elon-law-review/issues/volume-8-issue-1/>;
7. Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP ngày 22/12/2017 quy định về việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong thực

hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về trả hồ sơ để điều tra bổ sung;

8. Zhiyuan Guo, "Exclusion of Illegally Obtained Confessions in China: An Empirical Perspective," *The International Journal of Evidence & Proof* 21, no. 1-2/2017, <https://doi.org/10.1177/1365712716674799>;

9. Quy định một số vấn đề về nghiêm ngặt loại trừ chứng cứ không hợp pháp trong giải quyết vụ án hình sự năm 2017, tham khảo bản dịch tiếng Anh tại <https://www.chinalawtranslate.com/en/provisions-on-several-issues-regarding-the-strict-exclusion-of-illegal-evidence-in-handling-criminal-cases/>, truy cập ngày 08/7/2023;

10. Luật Tố tụng hình sự Trung Quốc năm 2018;

11. Zhang Qi, "Study on the Right of Silence System in China," *Proceedings of the 4th International Conference on Economics, Management, Law and Education (EMLE 2018)*, *Proceedings of the 4th International Conference on Economics, Management, Law and Education (EMLE 2018)*, Moscow, Russia: Atlantis Press, 2018, <https://doi.org/10.2991/emle-18.2018.155>;

12. Na Jiang, "The Potential to Secure a Fair Trial Through Evidence Exclusion: A Chinese Perspective", *Do Exclusionary Rules Ensure a Fair Trial? A Comparative Perspective on Evidentiary Rules*, ed. Sabine Gless and Thomas Richter, *Ius Gentium: Comparative Perspectives on Law and Justice* (Cham: Springer International Publishing, 2019), https://doi.org/10.1007/978-3-030-12520-2_6;

13. Jiang Na and Han Rong, "Definitions of the Right to Remain Silent in China," *Arts & Humanities Open Access Journal* 3, no. 2/2019, <https://doi.org/10.15406/ahoaj.2019.03.00114>;

14. Jingkun Liu, *The Exclusionary Rule of Illegal Evidence in China: Theory, Case, Application*, 1st ed. 2019 edition (New York, NY: Springer, 2019);

15. Zhiyuan Guo, "Torture and Exclusion of Evidence in China", *China Perspectives*, no. 1 (116) /2019, <https://www.jstor.org/stable/26663903>;

16. Trịnh Duy Thuyên, *Nội luật hóa quy định của Công ước Liên hợp quốc về chống tra tấn đối với lấy lời khai, hỏi cung bị can trong Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, 2021, <http://luanvan.moet.edu.vn/?page=1.33&view=38818>;

17. Đặng Văn Cường (2021), *Bức cung, dùng nhục hình và vấn đề đạo đức trong tố tụng hình sự*, <https://lsvn.vn/buc-cung-dung-nhuc-hinh-va-van-de-dao-duc-trong-to-tung-hinh-su1614783608.html>, truy cập ngày 25/10/2023;

18. Lan Chi Le et al., "Understanding Causes for Wrongful Convictions in Vietnam: A View from the Top and the Bottom of the Iceberg", *Asian Journal of Criminology*, 2022, <https://doi.org/10.1007/s11417-022-09390-7>;

19. Phạm Thanh Sơn, "Tra tấn và phòng, chống tra tấn ở Việt Nam: Phân tích từ lăng kính của Luật Nhân quyền quốc tế và các thách thức pháp lý đặt ra", *Diễn đàn khoa học Nghiên cứu sinh*, Trường Đại học Luật, Đại học quốc gia Hà Nội, 2023.